

TÒA ÁN NHÂN DÂN CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
HUYỆN CHÂU THÀNH **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
TỈNH SÓC TRĂNG

Bản án số: **09/2020/HNGĐ – ST**

Ngày: **01/7/2020**

“V/v Tranh chấp ly hôn và nuôi con”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH SÓC TRĂNG

Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông **Kim Sa Pha**

Các hội thẩm nhân dân:

- Ông **Lâm Ngọc Hà**

- Ông **Nguyễn Văn Ngự**

Thư ký phiên tòa: Bà **Phạm Thị Cẩm Vân** – Thư ký Toà án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng.

Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành tham gia phiên tòa:
Bà **Huỳnh Mộng Kiều** – Kiểm sát viên.

Trong ngày 01 tháng 7 năm 2020, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 95/2020/TLST – HNGĐ ngày 22/4/2020; Về việc *“Tranh chấp ly hôn và nuôi con”* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 18/2020/QĐST – HNGĐ ngày 03 tháng 6 năm 2020; giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Lê Thị Q. Địa chỉ: ấp A, xã T, huyện CT, tỉnh Sóc Trăng (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

- *Bị đơn:* Anh Lê Phước T. Địa chỉ: ấp A, xã T, huyện CT, tỉnh Sóc Trăng (Có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**Theo đơn khởi kiện ngày 17 tháng 10 năm 2018, các chứng cứ có trong hồ sơ nguyên đơn chị Lê Thị Q trình bày:*

Chị Q với anh Lê Phước T tự nguyện tìm hiểu và chung sống với nhau từ năm 2013. Đến tháng 3 năm 2014 mới đi đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện Châu thành, tỉnh Sóc Trăng. Trong thời gian đầu chung sống, hôn nhân hạnh phúc được khoảng 02 năm, có với nhau 01 con chung tên Lê Quỳnh Anh, sinh ngày 19/02/2014. Đến năm 2016, vợ chồng lên Bình Dương sinh sống và làm ăn cho đến nay, khoảng thời gian 02 năm gần đây thì vợ chồng bắt đầu xảy ra mâu thuẫn, anh T hay ghen tuông vô cớ, vợ chồng thường xuyên cãi nhau, làm cho cuộc sống hôn nhân không còn hạnh phúc, giữa năm 2019 chị với ông T tiếp tục xảy ra mâu thuẫn, do anh T tiếp tục ghen tuông, xúc phạm, đánh và đe dọa giết chị, anh T làm đơn ly hôn đem đến công ty nơi chị làm việc, bắt chị ký đơn nên giữa chị với anh T đã sống ly thân

từ tháng 08/2019 cho đến nay. Nay hôn nhân giữa chị với anh T không thể hàn gắn lại tình cảm vợ chồng để tiếp tục chung sống với nhau nên yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết được ly hôn với anh Lê Phước T theo quy định của pháp luật.

- Về con chung: Cháu Lê Quỳnh A, sinh ngày 19/02/2014 hiện chị Q đang trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng nên yêu cầu được quyền tiếp tục nuôi cháu Quỳnh A sau khi ly hôn, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Theo Bản tự khai ngày 06/01/2020, các chứng cứ có trong hồ sơ và cũng như tại phiên tòa hôm nay bị đơn anh Lê Phước T trình bày:*

Anh thống nhất với lời trình bày của chị Q về thời gian chung sống vợ chồng, việc đăng ký kết hôn và mâu thuẫn vợ chồng, anh thừa nhận có ghen tuông, có đánh chị Q 01 lần, có làm đơn xin ly hôn kêu chị Q ký nhưng chị Q không ký, anh không có đe dọa giết chị Q như chị Q trình bày. Anh với chị Q đã sống ly thân từ tháng 08 năm 2019 cho đến nay. Tuy nhiên, chị Q xin ly hôn anh không đồng ý, vì anh còn thương vợ, con, anh yêu cầu chị Q cho anh cơ hội để sửa đổi, vợ chồng hàn gắn, đoàn tụ để cùng chăm lo cho con cái.

- Về con chung: Anh với chị Q có 01 con chung tên Lê Quỳnh A, sinh ngày 19/02/2014, hiện chị Q đang trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Do anh không đồng ý ly hôn, nên anh không có ý kiến đối với yêu cầu nuôi con, cấp dưỡng của chị Q. Nhưng nếu chị Q cương quyết xin ly hôn và Tòa án giải quyết cho anh và chị Q ly hôn thì anh đồng ý giao con cho chị Q trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, nay chị Q không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nhưng anh vẫn thực hiện nghĩa vụ làm cha khi gặp con anh.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Tại phiên tòa kiểm sát viên phát biểu ý kiến:*

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án; Các đương sự đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt. Về nội dung vụ án đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị Lê Thị Q đối với anh Lê Phước T, cho chị Q được ly hôn với anh T theo quy định của pháp luật, còn con chung cháu Lê Quỳnh A giao cho chị Q tiếp tục nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành sau khi ly hôn, không đặt ra xem xét đối với việc cấp dưỡng nuôi con do chị Q không yêu cầu. Về tài sản chung, nợ chung các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên đề nghị Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa. Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến trình bày của đương sự. Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về tố tụng: Tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn chị Lê Thị Q có đơn xin xét xử vắng mặt. Bị đơn anh T đề nghị Hội đồng xét xử hoãn phiên tòa, để triệu tập nguyên đơn chị Q đến tham dự phiên tòa gặp mặt bị đơn, để giải quyết một số vấn đề còn mâu thuẫn tại Tòa án. Xét thấy, nguyên đơn chị Q có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt là phù hợp với quy định của pháp luật, còn yêu cầu của bị đơn phải triệu tập nguyên đơn chị Q có mặt tại Tòa để bị đơn gặp mặt giải quyết mâu thuẫn là không có căn cứ, không được Hội đồng xét xử chấp nhận. Do đó, Hội đồng xét xử thống nhất áp dụng khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 tiến hành xét xử vắng mặt đối với nguyên đơn chị Lê Thị Q theo quy định.

[2] Về nội dung vụ án: Chị Lê Thị Q với anh Lê Phước T tự nguyện tìm hiểu và chung sống với nhau từ năm 2013. Đến tháng 3 năm 2014 mới đi đăng ký kết hôn, được Ủy ban nhân dân xã T, huyện Châu thành, tỉnh Sóc Trăng cấp giấy chứng nhận kết hôn số 51/2014 ngày 25/3/2014. Đến năm 2018, thì vợ chồng bắt đầu xảy ra mâu thuẫn, theo chị Q trình bày nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng là do anh T thường xuyên ghen tuông vô cớ, xúc phạm và đánh chị. Còn anh T cũng thừa nhận nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng là đúng như chị Q trình bày, nhưng hiện nay anh còn thương vợ, con nên không đồng ý ly hôn, yêu cầu chị Q cho anh cơ hội để sửa đổi, hàn gắn lại tình cảm vợ chồng tiếp tục chung sống với nhau, cùng nhau chăm sóc con cái. Nhưng chị Q không đồng ý và cương quyết xin ly hôn. Từ đó các bên phát sinh tranh chấp.

[3] Về hôn nhân: Xét thấy, chị Lê Thị Q với anh Lê Phước T tự nguyện tìm hiểu và chung sống với nhau, có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật, được Ủy ban nhân dân xã Phú Tâm, huyện Châu thành, tỉnh Sóc Trăng cấp giấy chứng nhận kết hôn số 51/2014 ngày 25/3/2014 nên quan hệ hôn nhân giữa chị Q với anh T là hợp pháp, được pháp luật bảo vệ khi có phát sinh tranh chấp. Trong quá trình giải quyết vụ án, chị Q và anh T đều thừa nhận trong cuộc sống hôn nhân thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, vợ chồng cự cãi nhau, có lần anh T xúc phạm và đánh chị Q do ghen tuông trong tình cảm vợ chồng nên chị Q và anh T đã sống ly thân từ tháng 8 năm 2019 cho đến nay. Xét yêu cầu xin ly hôn của chị Q đối với anh T thì thấy, đến thời điểm hiện nay mâu thuẫn hôn nhân giữa chị Q với anh T đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, tình trạng hôn nhân không thể kéo dài và giữa chị Q với anh T đã sống ly thân, không hàn gắn được tình cảm vợ chồng để tiếp tục sống chung với nhau. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành hòa giải để tạo điều kiện cho các đương sự hàn gắn lại tình cảm vợ chồng nhưng chị Q cương quyết ly hôn, không đồng ý hàn gắn lại tình cảm vợ chồng theo yêu cầu của anh T. Nên Hội đồng xét xử thống nhất áp dụng khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Lê Thị Q đối với anh Lê Phước T.

[4] Về con chung: Chị Q với anh T có 01 con chung tên Lê Quỳnh A, sinh ngày 19/02/2014, hiện cháu Quỳnh A đang được chị Q trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Xét thấy, hiện nay cháu Quỳnh Anh đang được chị Q trực tiếp, chăm sóc, nuôi dưỡng và cháu Quỳnh A còn nhỏ, là cháu gái nên sự chăm sóc, nuôi dưỡng của chị Q là đảm bảo hơn, nên Hội đồng xét xử thống nhất giao cháu Lê Quỳnh Anh cho chị Q được quyền trực tiếp nuôi dưỡng sau khi ly hôn

nhằm đảm bảo sự ổn định cuộc sống, học tập, tâm lý của cháu Quỳnh Anh cũng là phù hợp điều kiện thực tế và quy định của pháp luật.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Do chị Q không yêu cầu, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[6] Về án phí sơ thẩm: Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án; khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 chị Lê Thị Q phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định là 300.000 đồng.

[7] Ý kiến phát biểu của kiểm sát viên tại phiên tòa hôm nay về thủ tục tố tụng và nội dung giải quyết vụ án là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 271; khoản 1, 3 Điều 273 và khoản 1 Điều 280 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Áp dụng: Điều 51; Điều 53; khoản 1 Điều 56; Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Tuyên xử:

1/ Về hôn nhân: Chị Lê Thị Q được ly hôn với anh Lê Phước T.

2/ Về con chung: Giao cháu Lê Quỳnh A, sinh ngày 19/02/2014 cho chị Lê Thị Q tiếp tục nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành.

Anh Lê Phước T được quyền thăm nom con chung, không ai được quyền ngăn cản.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Do chị Lê Thị Q không yêu cầu, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

3/ Về tài sản chung, nợ chung: Không có, các đương sự không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

4/ Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị Lê Thị Q phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm nhưng được trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0041095 ngày 29/11/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương, như vậy chị Q đã nộp xong.

5/ Báo cho các đương sự biết được quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với nguyên đơn chị Lê Thị Q thời hạn kháng cáo được tính kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai theo quy định của pháp luật, đề yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử lại vụ án theo trình tự, thủ tục phúc thẩm.

6/ Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, 7a và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Châu Thành;
- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- Chi cục T.H.A DS huyện Châu Thành;
- Các đương sự;
- UBND xã Phú Tâm;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Kim Sa Pha